1TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 498/2025/DS-PT
Ngày: 31-7-2025
V/v tranh chấp hụi; hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Bà Kiều Kim Xuân

Ông Trần Văn Kiến

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Bà Phan Thị Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 258/2025/TLPT- DS ngày 09 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp hụi; hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2025/DS-ST ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 383/2025/QĐPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025 giữa:

- ***Nguyên đơn*:** Chị Võ Thị P, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Chị Đỗ Thị Ngọc O, sinh năm 1986, địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo hợp đồng ủy quyền ngày 13/9/2024). (Xin vắng mặt)

- ***Bị đơn:***

1. Chị Trần Thị Thanh T (Trần Thị Cẩm T1), sinh năm 1982; (Có mặt)

2. Anh Nguyễn Thành T2, sinh năm 1983.

- Người đại diện theo ủy quyền của anh T2 là chị Trần Thị Thanh T (theo văn bản ủy quyền ngày 29/7/2025). (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; (Nay là ấp H, xã A, tỉnh Đồng Tháp).

- Người kháng cáo: Chị Trần Thị Thanh T; anh Nguyễn Thành T2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Võ Thị P là chị Đỗ Thị Ngọc O trình bày:

Vào năm 2022 chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1982 tên thường gọi là Trần Thị Cẩm T1, địa chỉ ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp có tham gia chơi nhiều dây hụi do chị Võ Thị P làm chủ hụi, cụ thể:

+ *Dây hụi thứ nhất*: Hụi tháng 5.000.000 đồng, khui ngày 02/3/2022 âm lịch gồm 28 hụi viên, chị T (tự Cẩm T1) tham gia 02 chân hụi, trong danh sách hụi ghi tên T1, T2 tức là tên của chị T và chồng là anh T2. Chị T đã hốt chân hụi thứ nhất vào tháng 10/2022 được số tiền 78.600.000 đồng. Chân hụi thứ hai chị T hốt được số tiền 104.120.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 05/2024 âm lịch. Từ khi chị T hốt hụi thì không góp hụi, trước đây chị P có kiện yêu cầu vợ chồng chị T trả số tiền hụi chết chưa góp đến tháng 10/2023 (do hụi khi đó chưa mãn), từ tháng 11/2023 âm lịch đến khi hụi mãn, nay chị P tiếp tục yêu cầu chị T và chồng là anh Nguyễn Thành T2 cùng liên đới trả tiền hụi chết mà chị P đã góp thay từ tháng 11/2023 âm lịch đến khi hụi mãn là 07 tháng x 10.000.000 đồng/tháng thành tiền là 70.000.000 đồng.

+ *Dây hụi thứ hai*: Hụi tháng 5.000.000 đồng, khui ngày 25/8/2022 âm lịch gồm 25 hụi viên, chị T (tự C) chơi 03 chân hụi, chị T hốt 02 chân, hốt chân thứ nhất vào ngày 25/8/2022 được số tiền là 79.060.000 đồng, hốt chân thứ hai vào ngày 02/9/2022 được số tiền 97.800.000 đồng. Hụi này mãn vào tháng 07/2024 âm lịch. Sau khi chị T (C) hốt hụi xong thì không góp hụi. Từ khi chị T hốt hụi đến tháng 10/2023 âm lịch thì chị P đã kiện và bản án đã có hiệu lực. Từ tháng 11/2023 âm lịch chủ hụi chị Võ Thị P đã góp thay cho chị T là 09 tháng x 10.000.000 đồng/, thành tiền là 90.000.000 đồng.

+ *Dây hụi thứ ba*: Hụi tháng 5.000.000 đồng, khui ngày 10/5/2022 âm lịch gồm 22 hụi viên, chị T (tự Cẩm T1) tham gia 01 chân, đã hốt hụi vào ngày 10/10/2022 âm lịch được số tiền 80.840.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 01/2024 âm lịch. Chị T còn nợ tiền hụi chết. Từ khi chị T hốt hụi đến tháng 10/2023 âm lịch thì

chị P đã kiện và bản án đã có hiệu lực. Từ tháng 11/2023 đến khi hụi mãn là 03 tháng, chị P đã góp thay chị T 03 tháng x 5.000.000 đồng/tháng, thành tiền là 15.000.000 đồng .

+ *Dây hụi thứ tư*: Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 15/3/2022 âm lịch, gồm 30 hụi viên, chị T tham gia chơi 01 chân hụi, đã hốt hụi được số tiền 43.500.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 7/2024 âm lịch. Chị T không chầu hụi chết từ khi hốt hụi đến tháng 10/2023 âm lịch thì chị P đã kiện và bản án đã có hiệu lực, do khi đó hụi chưa mãn. Từ tháng 11/2023 đến khi hụi mãn thì chị T còn nợ tiền hụi của chị P là 09 tháng x 2.000.000 đồng/tháng, thành tiền là 18.000.000 đồng.

Tổng các dây hụi nêu trên chị T còn nợ chị P số tiền gốc là 193.000.000 đồng, lãi 10 tháng, từ tháng 11/2023 đến tháng 9/2024 là 115.800.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi chị P yêu cầu chị Thanh T (C) và anh T liên Đ trả là 308.800.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

Đồng thời, ngày 12/6/2023 âm lịch thì chị T và anh T2 có vay tiền của chị P là 96.000.000 đồng và hẹn trong vòng 07 ngày sau sẽ trả gốc và lãi. Chị P khởi kiện yêu cầu chị T và anh T liên Đ trả tiền vay còn nợ gốc và lãi là: 170.880.000 đồng, trong đó gốc 96.000.000 đồng, tiền lãi là 13 tháng tính từ tháng 07/2023 âm lịch đến tháng 08/2024 âm lịch là 74.880.000 đồng. Tổng cộng chị T (T1) và anh T2 cùng liên đới trả gốc và lãi đến tháng 9/2024 là 479.680.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Ngày 04/3/2025 nguyên đơn có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể:

Chị P yêu cầu chị T và anh T2 cùng liên đới trả số tiền hụi gốc còn nợ là 193.000.000 đồng + tiền lãi 16 tháng là 51.569.000 đồng theo mức lãi suất 1,67%/tháng/1.000.000 đồng từ tháng 11/2023 âm lịch đến tháng 02/2025 và tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Đối với số tiền vay: Chị P yêu cầu số tiền vay gốc là 36.000.000 đồng + tiền lãi vay 20 tháng là 12.024.000 đồng, tính từ tháng 7/2023 âm lịch đến tháng 02/2025 với mức lãi suất 0,83%/tháng/1.000.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi tiền vay cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, chị Đỗ Thị Ngọc O là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Võ Thị P thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Chỉ yêu cầu chị T và anh T2 cùng liên đới trả số tiền hụi còn nợ gốc là 193.000.000 đồng + tiền lãi là 22.650.700 đồng theo mức lãi suất 0,83%/tháng/1.000.000 đồng, tính từ tháng 11/2023 âm lịch đến ngày xét xử ngày 15/4/2025 dương lịch (nhằm ngày 18/3/2025 âm lịch) và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Chị O khẳng định chị T có vay của chị P số tiền gốc 36.000.000 đồng là sự thật. Nếu chị T muốn các bên thương lượng thì nên trình bày đúng sự thật, do nguyên đơn và bị đơn là chỗ bạn bè thân nên khi chị P cho chị T vay tiền đã không cho ký biên nhận. Nếu chị T không thừa nhận thì tại phiên tòa chị là người đại diện theo ủy quyền của chị P xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay để chị P thu thập thêm chứng cứ. Đối với số tiền hụi mà chị T trình bày muốn cấn trừ thì giữa chị T và chị P tự thương lượng và kiện thành vụ án khác.

- Bị đơn chị Trần Thị Thanh T (tự Trần Thị Cẩm T1) trình bày: Theo căn cước là Trần Thị Thanh T, sinh năm 1982. Tên thường gọi bên ngoài là Trần Thị Cẩm T1. Chị đang cư trú tại Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Anh Nguyễn Thanh T3 là chồng của chị, anh T3 sinh năm 1983, cùng nơi cư trú với chị.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì chị không đồng ý vì nội dung đơn kiện của chị P chưa đúng thực tế. Tiền hụi chết chị còn nợ 04 dây hụi mà chị P kiện từ tháng 11 âm lịch đến khi mãn hụi với số tiền gốc là 193.000.000 đồng. Tiền lãi thì chị không đồng ý trả vì chị P1 không đi gom hụi nên chị không chầu thì không được tính lãi là lỗi của chị P. Vợ chồng chị không vay số tiền nào 96.000.000 đồng nên không đồng ý trả.

Còn các dây hụi chị tham gia chơi do chị P làm chủ hụi thì chị đã trình bày rõ trong biên bản ghi lời khai ngày 15/11/2024. Số tiền hụi chết chị chưa góp cho chị P của 04 dây hụi mà chị P kiện tổng cộng đúng là 193.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi trừ đi 10 lần hụi sống chị đã góp hụi là 50.000.000 đồng của dây hụi khui ngày 25/8/2022 âm lịch, trừ tiếp cho tiền hụi sống chị đã góp 07 lần được 35.000.000 đồng của dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, khui ngày 06/12/2022 âm lịch và trừ đi tiền hụi sống chị đã chầu 02 lần được 10.000.000 đồng của dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 20/3/2023 âm lịch.

Tổng cộng các dây hụi này chị góp hụi sống được 95.000.000 đồng trừ vào số tiền hụi chết chị nợ chị P là 193.000.000 đồng chị còn nợ lại chị P số tiền hụi là 98.000.000 đồng và chị đồng ý trả cho chị P vì đây là nợ của riêng chị nên chồng chị anh Nguyễn Thành T2 không chịu liên đới trả. Nếu chị P đồng ý thì tháng đầu tiên từ khi hòa giải thành (tức là tháng 3/2025 dương lịch) thì chị sẽ trả trước cho chị P 8.000.000 đồng, còn lại 90.000.000 đồng thì chị cam kết mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Đối với khoản tiền vay thì chị không đồng ý. Chị không có đơn yêu cầu phản tố trong vụ án.

- Bị đơn anh Nguyễn Thành T2 có đơn xin vắng mặt và có văn bản ý kiến: Anh không đồng ý liên đới trả nợ vì cho rằng không liên quan số tiền hụi này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2025/DS-ST ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện T tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị P.

Buộc chị Trần Thị Thanh T và anh đới trả cho chị Võ Thị P số tiền hụi chết còn nợ gốc 193.000.000 đồng và số tiền lãi từ tháng 11/2023 âm lịch đến ngày xét xử 15/4/2025 dương lịch nhằm ngày 18/3/2025 âm lịch là 22.650.700đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 215.650.700 đồng.

Kể từ ngày 16/4/2025 dương lịch cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết đối với số tiền vay 36.000.000 đồng do tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc các bị đơn chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Thành T liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.782.500 đồng.

- Nguyên đơn chị Võ Thị P không phải chịu tiền án phí được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.593.600 đồng theo biên lai thu số 0010293 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/4/2025 chị Trần Thị Thanh T có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, chị đồng ý trả tiền hụi lại cho chị P, không đồng ý trả lãi, không đồng ý anh đới trả nợ cùng chị vì việc chơi hụi chỉ có chị chơi và tiêu xài cá nhân, anh T2 không liên quan.

Ngày 28/4/2025 anh Nguyễn Thành T2 có đơn kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ cùng chị T.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Trần Thị Thanh T, anh Nguyễn Thành T2 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Trần Thị Thanh T, anh Nguyễn Thành T2, sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên lãi suất chậm trả.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Thanh T, anh Nguyễn Thành T2, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Bản án dân sự phúc thẩm số: 16/2025/DS-PT, ngày 09/01/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thừa nhận của chị T thừa nhận còn nợ số tiền hụi chết chưa đóng cho chị P là 193.000.000 đồng, của các dây hụi ngày 02/3/2022 âm lịch, ngày 25/8/2022 âm lịch, ngày 15/3/2022 âm lịch và ngày 10/5/2022 âm lịch và từ tháng 11 năm 2023 âm lịch cho đến khi các dây hụi trên đã mãn, nhưng chị T không đóng hụi chết cho chị P, nên án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của chị P, buộc chị T, anh T liên Đ trả cho chị P số tiền hụi chết còn nợ gốc 193.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ tháng 11/2023 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/4/2025 dương lịch nhằm ngày 18/3/2025 âm lịch với lãi suất 0,83% là 22.650.700đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 215.650.700 đồng là đúng theo quy định tại Điều 24; Điều 22; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về trách nhiệm của thành viên không góp phần họ (hụi); quy định về lãi suất trong trường hợp chậm góp, chậm giao phần họ (hụi) và phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi vì, giữa chị T và anh T2 là vợ chồng sống chung với nhau trong một gia đình và đã có hai người con chung từ năm 2005 đến nay và không có ly thân. Điều này thể hiện giữa anh T2 và chị T vẫn đang trong thời kỳ hôn nhân, nên anh T2 có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với chị T trả cho chị P là đúng theo quy định tại các Điều 27; Điều 30 Luật hôn nhân gia đình. Tuy nhiên, án sơ thẩm tuyên nghĩa vụ chậm trả kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử là chưa phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 1; Điều 13; Nghị quyết 01/2019/HĐTP-TANDTC, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên Hội đồng xét xử sửa cách tuyên về lãi suất chậm trả cho phù hợp.

[2] Đối với số tiền vay chị P yêu cầu chị T trả lại 36.000.000 đồng, tại phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, án sơ thẩm đình chỉ là hoàn toàn có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu kháng cáo của chị T, anh T2 là không có căn cứ nên không chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên lãi suất chậm trả.

Do sửa một phần bản án, nên chị T, anh T2 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Trần Thị Thanh T, anh Nguyễn Thành T2, sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên lãi suất chậm trả. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 357; Điều 468; Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27; Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 22; Điều 24; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Trần Thị Thanh T (Trần Thị Cẩm T1); anh Nguyễn Thành T2.

2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 11/2025/DS-ST ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện T (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12) về cách tuyên lãi suất chậm trả.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị P.

Buộc chị Trần Thị Thanh T (Trần Thị Cẩm T1) và anh Nguyễn Thành T liên Đ trả cho chị Võ Thị P số tiền hụi chết còn nợ gốc 193.000.000 đồng và số tiền lãi từ tháng 11/2023 âm lịch đến ngày xét xử 15/4/2025 dương lịch nhằm ngày 18/3/2025 âm lịch là 22.650.700đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 215.650.700 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ giải quyết đối với số tiền vay 36.000.000 đồng do tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Trần Thị Thanh T (Trần Thị Cẩm T1) và anh đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.782.500 đồng.

- Chị Võ Thị P không phải chịu tiền án phí sơ thẩm, chị được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.593.600 đồng theo biên lai thu số 0010293 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 0 – tỉnh Đồng Tháp).

6. Án phí phúc thẩm:

Chị Trần Thị Thanh T (Trần Thị Cẩm T1); anh Nguyễn Thanh T3 không phải chịu tiền án phí phúc thẩm, anh, chị được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án

phí kháng cáo theo các biên lai thu số 0005063; 0005070, vào các ngày 28/4/2025; 06/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 0 – tỉnh Đồng Tháp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- TAND nhân dân khu vực 0, Đồng Tháp;
- Phòng GĐKT,TT- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Phước Hội